

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2019

DƯ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số /TTr-STP ngày/...../2019 về việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Tổ chức thực hiện, theo dõi tình hình thi hành, xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản pháp luật chỉ đạo, triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương.

2. Rà soát, theo dõi tình hình áp dụng các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp với thực tiễn.

3. Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”

2. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Nội dung kiểm tra liên ngành thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 26 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.”

3. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc khai thác, sử dụng và duy trì, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

b) Quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

c) Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của thông tin do cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật; kịp thời đính chính, bổ sung thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.”

4. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo tình hình xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại địa phương trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến UBND cấp huyện trước ngày 05 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng, trước ngày 05 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo tình hình xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại địa phương gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp.

Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp.

Sở Tư pháp tham mưu, giúp Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương trước ngày 20 tháng 7 hàng năm đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 20 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo năm.

4. Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 06 tháng từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo năm, từ ngày 01 tháng 01 năm đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đối với số liệu xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác theo dõi tình hình xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, không tổng hợp vào Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gửi Bộ Tư pháp.

5. Ngoài thực hiện nội dung tại khoản 3 Điều này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo các nội dung sau:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên, người ốm yếu không còn khả năng lao động sau khi hết hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Công tác phía Nam - BTP;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL-Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**